



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
CII BRIDGES AND ROADS INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

oOo

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 1 năm 2023**



**Tháng 04 năm 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Quý 1 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	5 – 6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 51



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.081.405.333.749</b>	<b>1.244.384.275.923</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>94.244.055.587</b>	<b>97.843.229.219</b>
1. Tiền	111		41.274.676.556	25.614.401.461
2. Các khoản tương đương tiền	112		52.969.379.031	72.228.827.758
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>595.478.187</b>	<b>565.775.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12.a	595.478.187	565.775.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>966.050.106.232</b>	<b>1.119.559.946.553</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.460.869.384	52.989.866.812
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	41.669.584.111	18.528.602.576
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	448.347.821.670	589.925.628.040
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	488.095.718.523	498.728.743.086
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(40.523.887.456)	(40.612.893.961)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>493.497.224</b>	<b>17.298.527.842</b>
1. Hàng tồn kho	141		493.497.224	17.298.527.842
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.022.196.519</b>	<b>9.116.797.309</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	14.338.497.589	2.178.646.878
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.562.782.628	4.817.234.129
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17.a	2.120.916.302	2.120.916.302
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.098.035.134.640</b>	<b>11.505.699.006.441</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.293.181.703.582</b>	<b>1.735.950.146.902</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	41.000.000.000	429.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	1.252.181.703.582	1.306.950.146.902
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.731.748.476.700</b>	<b>6.814.117.887.136</b>
2. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	9.096.064.342	9.574.363.377
1. - Nguyên giá	222		32.111.362.791	32.111.362.791
2. - Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23.015.298.449)	(22.536.999.414)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.722.652.412.358	6.804.543.523.759
4. - Nguyên giá	228		8.788.677.133.513	8.782.247.279.893
5. - Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.066.024.721.155)	(1.977.703.756.134)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>58.715.485.618</b>	<b>58.625.364.963</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	58.715.485.618	58.625.364.963
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.12</b>	<b>892.095.920.208</b>	<b>869.167.010.832</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12.b	892.095.920.208	869.167.010.832
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.122.293.548.532</b>	<b>2.027.838.596.608</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	1.824.237.752.455	1.722.384.544.912
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13.a	257.380.842.563	262.578.048.208
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	40.674.953.514	42.876.003.488
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>12.179.440.468.389</b>	<b>12.750.083.282.364</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 01 – DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2023	01/01/2023
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.288.509.607.520</b>	<b>7.906.613.470.479</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.161.693.800.352</b>	<b>2.222.581.550.638</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	230.112.159.815	237.229.239.219
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.322.254.889	464.322.254.889
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17.b	15.314.300.754	12.669.680.411
4. Phải trả người lao động	314		13.953.951.310	12.176.016.183
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	58.650.438.675	71.218.871.642
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		175.909.090	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.a	481.642.213.514	568.018.121.912
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20.a	894.764.685.740	853.563.479.817
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.757.886.565	3.383.886.565
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.126.815.807.168</b>	<b>5.684.031.919.841</b>
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.b	103.046.312.412	131.519.284.964
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20.b	4.990.324.786.368	5.518.385.381.420
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13.b	33.444.708.388	34.127.253.457
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.890.930.860.869</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.21</b>	<b>4.890.930.860.869</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
3. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	106.028.174.597
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.498.706.687.400	1.471.639.564.814
6. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.471.639.564.814	1.180.392.007.974
7. - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		27.067.122.586	291.247.556.840
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.353.990.600.776	1.333.596.674.378
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>12.179.440.468.389</b>	<b>12.750.083.282.364</b>

Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán Quý 1 và Lũy kế năm 2023

Mẫu số B 02 – DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Lũy kế từ 01/01 đến 31/03	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	349.212.661.511	338.472.116.823	349.212.661.511	338.472.116.823
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	28.769.786.830	21.322.688.213	28.769.786.830	21.322.688.213
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	320.442.874.681	317.149.428.610	320.442.874.681	317.149.428.610
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	121.212.421.585	123.185.697.439	121.212.421.585	123.185.697.439
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		199.230.453.096	193.963.731.171	199.230.453.096	193.963.731.171
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	24.222.779.015	17.292.543.517	24.222.779.015	17.292.543.517
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	118.285.362.286	85.603.049.679	118.285.362.286	85.603.049.679
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		118.285.362.286	85.603.049.679	118.285.362.286	85.603.049.679
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh liên kết	24	V.12.b	22.928.909.376	-	22.928.909.376	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	23.271.973.636	24.461.492.094	23.271.973.636	24.461.492.094
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.188.189.944	12.749.175.799	14.188.189.944	12.749.175.799
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		90.636.615.621	88.442.557.116	90.636.615.621	88.442.557.116
12. Thu nhập khác	31	VI.7	29.090.909	34.217.172	29.090.909	34.217.172
13. Chi phí khác	32	VI.8	3.006.375.189	505.438	3.006.375.189	505.438
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(2.977.284.280)	33.711.734	(2.977.284.280)	33.711.734
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		87.659.331.341	88.476.268.850	87.659.331.341	88.476.268.850
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	4.867.849.046	5.652.991.540	4.867.849.046	5.652.991.540
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	4.514.660.576	2.512.221.632	4.514.660.576	2.512.221.632
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		78.276.821.719	80.311.055.678	78.276.821.719	80.311.055.678
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		27.067.122.586	54.761.573.892	27.067.122.586	54.761.573.892
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		51.209.699.133	25.549.481.786	51.209.699.133	25.549.481.786
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	140	284	140	284

Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	87.659.331.341	88.476.268.850
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	91.000.314.030	109.401.291.347
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(47.151.688.391)	(17.292.543.517)
Chi phí lãi vay	06	118.285.362.286	85.603.049.679
Các khoản điều chỉnh khác	07	28.769.786.830	21.322.688.213
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	278.563.106.096	287.510.754.572
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	107.098.598.772	66.241.562.368
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	-	222.304.468
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(54.722.836.009)	(84.415.842.762)
Tăng chi phí trả trước	12	(117.975.708)	4.340.966.959
Tiền lãi vay đã trả	14	(187.354.057.712)	(136.328.616.606)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.782.472.141)	(5.569.323.466)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	137.684.363.298	132.001.805.533
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(49.623.501.940)	(52.505.780.880)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(37.529.703.187)	(410.044.161.731)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	404.700.000.000	7.143.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.100.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.227.699.773	4.185.076.998
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	321.774.494.646	(453.321.865.613)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	8.253.871.277	593.518.263.792
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(471.311.902.853)	(238.598.608.528)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(463.058.031.576)</b>	<b>354.919.655.264</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(3.599.173.632)</b>	<b>33.599.595.184</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	97.843.229.219	182.456.553.643
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	94.244.055.587	216.056.148.827



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu

Lương Thị Thu Yên  
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 04 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ của Công ty..

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, TP.HCM.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 là 100 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 100 người).

#### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; ...

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)**

**Cấu trúc công ty**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2023, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên, QL 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang -Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b>Công ty liên doanh</b>				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50%	50%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### **II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

#### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

#### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán báo cáo Quý 1/2023 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 03 năm 2023.

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Lợi thế thương mại (tiếp theo)

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi hoặc lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

#### Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

#### Các khoản đầu tư tài chính

##### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

#### Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T, phí cam kết rút vốn vay và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Phí cam kết rút vốn là chi phí liên quan trực tiếp đến các khoản vay vốn của Công ty. Phí cam kết là một số tiền cố định hoặc tỷ lệ phần trăm của số tiền vay. Phí cam kết rút vốn được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ theo thời gian thực tế của khoản vay.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

#### **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

#### **Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

#### Ghi nhận doanh thu

##### Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Doanh thu thu phí giao thông*

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông trong giai đoạn thu phí được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

##### *Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T*

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (*xem chi tiết dưới đây*).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

##### *Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

#### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

### IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### Chi phí đi vay (tiếp theo)

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

#### Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

#### Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

thường, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.T, B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	202.939.492	204.825.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	41.071.737.064	25.409.576.009
Các khoản tương đương tiền	52.969.379.031	72.228.827.758
<b>Cộng</b>	<b>94.244.055.587</b>	<b>97.843.229.219</b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng, trong đó bao gồm số tiền 1.5 tỷ đồng đang được dùng để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 1,5 tỷ đồng).

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Công ty CII	-	24.988.350.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	2.482.780.198	2.482.780.198
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Phải thu khách hàng khác	14.932.608.445	14.473.255.873
<b>Cộng</b>	<b>28.460.869.384</b>	<b>52.989.866.812</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	506.390.065
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	30.000.000	-
Công ty CII	-	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>536.390.065</b>	<b>25.494.740.065</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T:</b>	<b>40.572.609.111</b>	<b>17.418.943.752</b>
Công ty CII E&C	1.758.341.599	2.973.912.947
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	6.678.620.320	2.947.395.488
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.225.518.151	-
Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	2.518.231.288	2.518.231.288
Công ty TNHH Công Nghệ và Xây Dựng Nam Việt	20.484.871.950	3.000.000.000
Các nhà thầu khác	7.907.025.803	5.979.404.029
<b>Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác</b>	<b>1.096.975.000</b>	<b>1.109.658.824</b>
Các nhà cung cấp khác	1.096.975.000	1.109.658.824
<b>Cộng</b>	<b>41.669.584.111</b>	<b>18.528.602.576</b>
<i>Trong đó, trả trước cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	1.758.341.599	2.973.912.947
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.225.518.151	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	6.678.620.320	2.947.395.488
<b>Cộng</b>	<b>9.662.480.070</b>	<b>5.921.308.435</b>

**4. Phải thu về cho vay**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (i)	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CII (ii)	161.000.378.040	139.500.378.040
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iv)	37.622.193.630	200.000.000.000
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn (v)	18.300.000.000	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>448.347.821.670</b>	<b>589.925.628.040</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (v)	-	400.000.000.000
Công ty CII (vi)	40.000.000.000	29.000.000.000
Công ty Xây Dựng 123 - CN Tổng Công ty XDCTGT	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>41.000.000.000</b>	<b>429.000.000.000</b>
<b>Cộng các khoản phải thu về cho vay</b>	<b>489.347.821.670</b>	<b>1.018.925.628.040</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty CII (iii)	201.000.378.040	168.500.378.040
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy (iii)	-	400.000.000.000
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (iv)	37.622.193.630	200.000.000.000
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn (v)	18.300.000.000	19.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>256.922.571.670</b>	<b>787.500.378.040</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

- (i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.
- (ii) Khoản hỗ trợ vốn ngắn hạn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.
- (iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy với thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 18 tháng 2 năm 2022. Lãi suất cố định trong suốt thời hạn hợp đồng là 8,5%/năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán vào thời điểm đáo hạn hoặc theo thỏa thuận.
- (iv) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thời hạn 12 tháng với lợi tức cố định được hưởng trong kỳ là 10,5%/năm. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.
- (v) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn với thời hạn hợp đồng là 6 tháng kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2022. Lãi suất cố định trong suốt thời hạn hợp đồng là 11,5%/năm.
- (vi) Khoản hợp tác kinh doanh với hạn mức 100 tỷ đồng và thời hạn 24 tháng theo hợp đồng ký ngày 6 tháng 6 năm 2022 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ lợi tức Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**5. Phải thu khác**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn</b>		
Tạm ứng lợi nhuận (i)	120.096.454.319	116.096.454.319
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	102.449.115.744	105.606.623.638
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	4.313.392.353	8.631.754.520
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	194.234.194.232	201.634.006.269
Cty CP Thương Mại Nước Giải Khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phải thu người lao động	2.498.628.462	2.930.166.210
Điều chỉnh giảm giá trị Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo thỏa thuận quyết toán với cơ quan Nhà nước	22.536.888.505	22.536.888.505
Các khoản phải thu khác	31.534.441.398	30.860.246.115
<b>Cộng</b>	<b>488.095.718.523</b>	<b>498.728.743.086</b>
<b>b. Phải thu dài hạn</b>		
Lãi cho vay	-	29.156.164.384
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii)	1.207.102.131.623	1.232.714.410.559
Phải thu khoản lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T (iii)	45.079.571.959	45.079.571.959
<b>Cộng</b>	<b>1.252.181.703.582</b>	<b>1.306.950.146.902</b>
<b>Cộng các khoản phải thu khác</b>	<b>1.740.277.422.105</b>	<b>1.805.678.889.988</b>
	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Trong đó, phải thu các bên liên quan</b>		
Công ty CII	2.441.712.329	1.611.041.096
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	225.190.000	401.737.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	326.229.000	551.398.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
<b>Cộng phải thu bên liên quan</b>	<b>2.993.131.329</b>	<b>43.147.495.846</b>

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối khi công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**(i) THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**5. Phải thu khác (tiếp theo)**

*(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau*

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.285.029.212.839	1.310.225.864.071
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	0	3.157.507.894
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	24.522.034.528	24.937.662.232
	<b>1.309.551.247.367</b>	<b>1.338.321.034.197</b>
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(102.449.115.744)	(105.606.623.638)
<b>Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới</b>	<b>1.207.102.131.623</b>	<b>1.232.714.410.559</b>

*(iii) Lợi ích tài chính phát sinh theo hợp đồng B.O.T. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận (xem thêm tại Thuyết minh số VI.3).*

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	26.913.491.410	1.693.348.003	26.966.375.202	1.693.348.003
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.634.574.749	-	1.654.374.749	-
Phải thu ngắn hạn khác	16.669.169.300	3.000.000.000	16.758.392.013	3.072.900.000
<b>Cộng</b>	<b>45.217.235.459</b>	<b>4.693.348.003</b>	<b>45.379.141.964</b>	<b>4.766.248.003</b>

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	31/03/2023	01/01/2023
Số đầu năm	(40.612.893.961)	(40.612.893.961)
Xóa nợ khó đòi trong kỳ	89.006.505	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>(40.523.887.456)</b>	<b>(40.612.893.961)</b>

**7. Hàng tồn kho**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	493.497.224	-	17.298.527.842	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	-	-	16.805.030.618	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	493.497.224	-	493.497.224	-
<b>Cộng</b>	<b>493.497.224</b>	<b>-</b>	<b>17.298.527.842</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

8. Chi phí trả trước	31/03/2023		01/01/2023	
	VND		VND	
<b>a. Ngắn hạn</b>				
Chi phí lãi vay chờ phân bổ	12.603.772.964	-		
Chi phí khác chờ phân bổ	1.286.142.387	1.693.672.570		
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	448.582.238	484.974.308		
	<b>14.338.497.589</b>	<b>2.178.646.878</b>		
<b>b. Dài hạn</b>				
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)	1.688.601.963.794	1.580.638.958.028		
Chi phí sửa chữa đột xuất, trung tu ... cầu đường	116.340.591.330	120.219.001.757		
Chi phí di dời, xây dựng trạm thu phí	10.496.001.352	11.370.668.134		
Chi phí khác chờ phân bổ	8.799.195.979	10.155.916.993		
	<b>1.824.237.752.455</b>	<b>1.722.384.544.912</b>		
<b>Cộng</b>	<b>1.838.576.250.044</b>	<b>1.724.563.191.790</b>		

**Tình hình biến động chi phí trả trước như sau:**

Tại ngày 01/01/2022	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i)		Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường		Chi phí khác chờ phân bổ		Cộng
	VND		VND		VND		
Chi phí trả trước phát sinh tăng trong năm	1.034.158.250.342	43.277.099.035	43.277.099.035	20.001.898.784	1.097.437.248.161	678.837.689.590	
Phân loại từ tài sản cố định vô hình (ii)	559.835.894.502	108.617.468.954	108.617.468.954	10.384.326.134	149.979.043.843	(203.869.436.682)	
Phân bổ trong năm	149.979.043.843	(32.472.266.390)	(32.472.266.390)	(8.062.939.633)	(203.869.436.682)		
Phân loại khác	(163.334.230.659)	796.700.158	796.700.158	(796.700.158)			
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.580.638.958.028</b>	<b>120.219.001.757</b>	<b>120.219.001.757</b>	<b>21.526.585.127</b>	<b>1.722.384.544.912</b>		
Tại ngày 01/01/2023	1.580.638.958.028	120.219.001.757	120.219.001.757	21.526.585.127	1.722.384.544.912	150.451.145.448	
Chi phí trả trước trong năm	143.925.253.762	6.483.915.686	6.483.915.686	41.976.000	(48.597.937.905)		
Phân bổ trong năm	(35.962.247.996)	(10.362.326.113)	(10.362.326.113)	(2.273.363.796)			
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>1.688.601.963.794</b>	<b>116.340.591.330</b>	<b>116.340.591.330</b>	<b>19.295.197.331</b>	<b>1.824.237.752.455</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Chi phí trả trước**

*(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:*

Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	836.860.245.190	798.230.076.879
Dự án cầu Cổ Chiên	246.685.717.370	236.211.310.173
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	152.614.018.007	143.866.346.500
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	16.078.296.737	26.635.318.482
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	436.363.686.490	375.695.905.994
<b>Cộng</b>	<b>1.688.601.963.794</b>	<b>1.580.638.958.028</b>

*Trong đó, chi phí trả trước là bên liên quan*

Công ty CII	3.021.136.513	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	-	6.130.228.062
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	780.217.000	780.217.000
<b>Cộng</b>	<b>3.801.353.513</b>	<b>6.910.445.062</b>

(i) Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 12,46%; Dự án cầu Cổ Chiên là 18%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 15%; Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 18% và Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 5%.

Tỷ lệ phân bổ lãi vay của các dự án sẽ được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế và đảm bảo lợi nhuận thực tế từ dự án tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2023	7.842.894.831	15.746.856.648	6.862.001.022	1.659.610.290	32.111.362.791
Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2023	<b>7.842.894.831</b>	<b>15.746.856.648</b>	<b>6.862.001.022</b>	<b>1.659.610.290</b>	<b>32.111.362.791</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2023	6.668.602.786	8.719.216.907	5.805.855.728	1.343.323.993	22.536.999.414
Khấu hao trong kỳ	23.817.333	329.974.328	115.830.174	8.677.200	478.299.035
Tại ngày 31/03/2023	<b>6.692.420.119</b>	<b>9.049.191.235</b>	<b>5.921.685.902</b>	<b>1.352.001.193</b>	<b>23.015.298.449</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2023	1.174.292.045	7.027.639.741	1.056.145.294	316.286.297	9.574.363.377
Tại ngày 31/03/2023	<b>1.150.474.712</b>	<b>6.697.665.413</b>	<b>940.315.120</b>	<b>307.609.097</b>	<b>9.096.064.342</b>

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023 là 17.015.474.326 VND.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vì tính VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2023	8.779.111.628.893	733.149.000	2.402.502.000	8.782.247.279.893
Đầu tư XDCB hoàn thành (i)	6.429.853.620	-	-	6.429.853.620
Điều chỉnh giảm giá trị quyết toán hợp đồng BOT	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>8.785.541.482.513</b>	<b>733.149.000</b>	<b>2.402.502.000</b>	<b>8.788.677.133.513</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2023	1.976.697.649.053	-	1.006.107.081	1.977.703.756.134
Khấu hao trong kỳ	88.261.499.804	-	59.465.217	88.320.965.021
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>2.064.959.148.857</b>	<b>-</b>	<b>1.065.572.298</b>	<b>2.066.024.721.155</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2023	6.802.413.979.840	733.149.000	1.396.394.919	6.804.543.523.759
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>6.720.582.333.656</b>	<b>733.149.000</b>	<b>1.336.929.702</b>	<b>6.722.652.412.358</b>

(i) Trong kỳ, Công ty đã ghi nhận tăng thêm quyền thu phí giao thông có được từ việc đầu tư xây dựng dự án B.O.T Mở rộng Xa lộ Hà Nội là 6.429.853.620 đồng. Dự án này đã được chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 4 năm 2021.

**Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:**

**a. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày báo cáo là 581.124.875.017 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Thời gian thu phí của dự án dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 6 năm 2023. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 50%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

**b. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày báo cáo là 1.488.747.655.945 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (thuyết minh bên dưới) theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Thời gian thu phí khoảng 19 năm 7 tháng và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2036. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 16.02%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế và đảm bảo lợi nhuận thực tế từ dự án tương ứng với số lãi vốn chủ sở hữu mà nhà đầu tư được hưởng trên số vốn đầu tư vào dự án chưa thu hồi

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**c) Dự án đường ĐT 741**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 1 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

**d) Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh**

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày báo cáo là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà Nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 5 tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 35% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán hoặc khi phương án tài chính của dự án thay đổi do cập nhật doanh thu thu phí thực tế và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

**e) Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên**

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày báo cáo là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Theo hợp đồng B.O.T và phụ lục, dự kiến Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 23% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (chi tiết xem tại Thuyết minh số V 20)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

**f) Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội**

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại báo cáo là 3.398.767.457.770 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Theo hợp đồng B.O.T và các phụ lục, Công ty được thu phí hoàn vốn dự kiến trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ là 13,426 %. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

**g) Thuyết minh khác liên quan đến Tài sản cố định vô hình**

**Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý**

*Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu*

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 03 năm 2023 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2023: 715.000.000 VND).

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	25.589.858.083	25.499.737.428
<b>Cộng</b>	<b>58.715.485.618</b>	<b>58.625.364.963</b>

**Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
<b>Số dư đầu kỳ</b>	<b>58.625.364.963</b>	<b>41.849.505.358</b>
Chi phí đầu tư trong kỳ	6.543.915.392	37.374.364.375
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(6.429.853.620)	(25.703.786.338)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(23.941.117)	(5.530.586.291)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>58.715.485.618</b>	<b>47.989.497.104</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2023 VND	Giá gốc VND	01/01/2023 VND	Giá gốc VND
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	595.478.187	595.478.187	565.775.000	565.775.000
<b>Cộng</b>	<b>595.478.187</b>	<b>595.478.187</b>	<b>565.775.000</b>	<b>565.775.000</b>
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>595.478.187</b>	<b>595.478.187</b>	<b>565.775.000</b>	<b>565.775.000</b>

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Phản lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phản lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	831.072.077.286	61.023.842.922	831.072.077.286	38.094.933.546
<b>Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b>		<b>892.095.920.208</b>		<b>869.167.010.832</b>

(i) Giá trị hợp lý của các công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**12. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

**b. Đầu tư vào công ty liên doanh (tiếp theo)**

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

**Trong kỳ, giá trị đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi như sau:**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
<b>Tại thời điểm đầu kỳ</b>	<b>869.167.010.832</b>	<b>828.084.007.099</b>
<b>Thay đổi trong kỳ</b>	<b>22.928.909.376</b>	<b>2.100.000.000</b>
Phát sinh trong kỳ	-	2.100.000.000
Ghi nhận LN trong kỳ	22.928.909.376	
<b>Tại thời điểm cuối kỳ</b>	<b>892.095.920.208</b>	<b>830.184.007.099</b>

**13. Thuế thu nhập hoãn lại**

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua (i) VND	Lãi vốn chủ dự án B.O.T (ii) VND	Dự phòng phải trả người lao động VND	Cộng VND
<b>a. Tài sản thuế hoãn lại</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	-	<b>280.367.346.734</b>	<b>375.000.000</b>	<b>280.742.346.734</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm		18.164.298.526	-	18.164.298.526
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	-	<b>262.203.048.208</b>	<b>375.000.000</b>	<b>262.578.048.208</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất		5.197.205.645	-	5.197.205.645
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	-	<b>257.005.842.563</b>	<b>375.000.000</b>	<b>257.380.842.563</b>
<b>b. Thuế hoãn lại phải trả</b>				
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>51.473.312.624</b>	-	-	<b>51.473.312.624</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	(17.346.059.167)			(17.346.059.167)
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>34.127.253.457</b>	-	-	<b>34.127.253.457</b>
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(682.545.069)			(682.545.069)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>33.444.708.388</b>	<b>0</b>	-	<b>33.444.708.388</b>
<b>Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				<b>4.514.660.576</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)**

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

(i) Số dư cuối kỳ là thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày báo cáo, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 167.223.541.940 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 33.444.708.388 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

(ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày báo cáo, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.285.029.212.839 đồng (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 257.005.842.563 đồng.

**14. Lợi thế thương mại**

	Giá trị ghi số VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2023 và ngày 31/03/2023	277.465.935.261
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2023	234.589.931.773
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	2.201.049.974
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>236.790.981.747</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2023	42.876.003.488
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>40.674.953.514</b>

**15. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả bên liên quan (i)	172.482.389.977	172.482.389.977	174.555.874.168	174.555.874.168
Các nhà cung cấp khác	57.629.769.838	57.629.769.838	62.673.365.051	62.673.365.051
<b>Cộng</b>	<b>230.112.159.815</b>	<b>230.112.159.815</b>	<b>237.229.239.219</b>	<b>237.229.239.219</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**15. Phải trả người bán ngắn hạn (tiếp theo)**

	31/03/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
<b>(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan</b>				
Công ty CII (iii)	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	7.701.786.236	7.701.786.236	6.685.606.416	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.100.098.338	2.100.098.338	2.195.664.028	2.195.664.028
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.907.203.601	3.907.203.601	6.898.925.922	6.898.925.922
Công ty 152 Điện Biên Phủ	-	-	2.376.000	2.376.000
<b>Cộng</b>	<b>172.482.389.977</b>	<b>172.482.389.977</b>	<b>174.555.874.168</b>	<b>174.555.874.168</b>

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.471.874.889	1.471.874.889
<b>Cộng</b>	<b>464.322.254.889</b>	<b>464.322.254.889</b>

**Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan**

Công ty CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
-----------------	-----------------	-----------------

(i) Đây là khoản Công ty CII trả trước liên quan đến thỏa thuận mua cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do Công ty đang sở hữu.

**17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

	01/01/2023	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.632.892.392	-	-	1.632.892.392
Thuế giá trị gia tăng	488.023.910	-	-	488.023.910
Các khoản khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.120.916.302</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.120.916.302</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	6.300.751.456	27.517.963.443	23.557.571.797	10.261.143.102
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.836.579.520	4.867.849.046	5.782.472.141	4.921.956.425
Thuế thu nhập cá nhân	532.349.435	731.014.500	1.132.162.708	131.201.227
Các khoản khác	-	34.394.360	34.394.360	-
<b>Cộng</b>	<b>12.669.680.411</b>	<b>33.151.221.349</b>	<b>30.506.601.006</b>	<b>15.314.300.754</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
Chi phí lãi vay phải trả	39.116.018.365	44.414.840.074
Trích trước chi phí duy tu, thi công, lắp đặt	16.594.847.062	23.880.171.178
Chi phí phải trả khác	2.939.573.248	2.923.860.390
<b>Cộng</b>	<b>58.650.438.675</b>	<b>71.218.871.642</b>
<i>Trong đó, chi phí phải trả cho bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.555.028.342	3.653.879.548

**19. Phải trả khác**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	301.638.438.983	270.822.666.248
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	167.395.223.255	256.970.842.982
Khoản nhận trước tiền mua cổ phần từ Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Phải trả thù lao Hội đồng quản trị	2.565.620.921	2.565.620.921
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.042.930.355	12.670.641.761
	<b>481.642.213.514</b>	<b>568.018.121.912</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	92.904.221.154	122.907.193.706
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Các khoản thu hộ	10.066.091.258	8.536.091.258
	<b>103.046.312.412</b>	<b>131.519.284.964</b>
<b>Cộng các khoản phải trả khác</b>	<b>584.688.525.926</b>	<b>699.537.406.876</b>
<i>Trong đó, phải trả các bên liên quan</i>		
Công ty CII	561.807.898.968	650.574.078.338
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)</i>	260.299.444.409	379.878.036.688
<i>Cổ tức phải trả</i>	301.508.454.559	270.696.041.650
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>561.883.898.968</b>	<b>675.638.428.338</b>

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T (xem thêm tại thuyết minh số V.20) và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn

	31/03/2023		01/01/2023	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Phát sinh trong kỳ	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	Tăng	Nợ gốc
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>5.310.061.051.212</b>	<b>5.310.061.051.212</b>	<b>3.410.035.660</b>	<b>5.369.742.918.405</b>
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Tp. HCM	3.605.112.245.931	3.605.112.245.931	-	3.620.112.245.931
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	705.999.379.211	705.999.379.211	-	726.999.379.211
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	575.956.126.480	575.956.126.480	-	587.204.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	422.993.299.590	422.993.299.590	3.410.035.660	435.427.166.783
Công ty CII	304.974.927.745	304.974.927.745	4.843.835.617	732.152.449.681
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(624.711.192.589)	(624.711.192.589)		(583.509.986.666)
<b>Cộng</b>	<b>4.990.324.786.368</b>	<b>4.990.324.786.368</b>	<b>8.253.871.277</b>	<b>5.518.385.381.420</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

*Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	2.382.839.113.788	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án. Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	1.222.273.132.143	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 11%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	
	<b>3.605.112.245.931</b>					
Công ty CII	247.948.478.064	3 năm	28/02/2023	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo.
	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc
	<b>304.974.927.745</b>					

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

*Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn*

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	705.999.379.211	12 năm	14/06/2033	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,4%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60	Tất cả các nguồn thu từ dự án.
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	575.956.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 10,9%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành của dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong năm là 11,65%-13,05%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HD-CII ngày 13/04/2015	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương".
	54.105.000.000	3 năm	25/10/2023		Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	- Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG.
	10.733.699.681	3 năm	20/11/2023	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo 12,95%	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình.
	11.600.424.590	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo 13,65%	Tài trợ chi phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hòa cũ thuộc dự án DDT tỉnh Bình Dương	- Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	17.871.875.000	5 năm	24/09/2026	Thả nổi, lãi suất tại ngày báo cáo 12,95%	Bồi hoàn kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt Dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 545.	

Cộng TPBank

422.993.299.590

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

*Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)*

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	31/03/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trong vòng một năm	624.711.192.589	583.509.986.666
Trong năm thứ hai	286.461.061.093	554.854.765.189
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.240.761.076.766	2.147.372.967.723
Sau năm năm	2.463.102.648.509	2.816.157.648.508
	<b>5.615.035.978.957</b>	<b>6.101.895.368.086</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(624.711.192.589)	(583.509.986.666)
<b>Cộng</b>	<b>4.990.324.786.368</b>	<b>5.518.385.381.420</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**21. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 01/01/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>96.125.354.490</b>	<b>1.272.973.201.023</b>	<b>1.386.934.246.204</b>	<b>4.688.238.199.813</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	291.247.556.840	171.343.644.440	462.591.201.280
Chia cổ tức	-	-	-	(77.141.906.000)	(221.362.754.674)	(298.504.660.674)
Trích lập các quỹ	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)	(3.318.461.592)
<b>Tại ngày 31/12/2022</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.471.639.564.814</b>	<b>1.333.596.674.378</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
<b>Tại ngày 01/01/2023</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.471.639.564.814</b>	<b>1.333.596.674.378</b>	<b>4.843.469.811.885</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	27.067.122.586	51.209.699.133	78.276.821.719
Chia cổ tức	-	-	-	(30.815.772.735)	(30.815.772.735)	(30.815.772.735)
<b>Tại ngày 31/03/2023</b>	<b>1.928.547.650.000</b>	<b>3.657.748.096</b>	<b>106.028.174.597</b>	<b>1.498.706.687.400</b>	<b>1.353.990.600.776</b>	<b>4.890.930.860.869</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**b. Cổ phiếu**

	31/03/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu thu phí giao thông	348.222.429.092	337.361.479.376
Doanh thu cung cấp dịch vụ	990.232.419	1.110.637.447
	<b>349.212.661.511</b>	<b>338.472.116.823</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(28.769.786.830)	(21.322.688.213)
	<b>(28.769.786.830)</b>	<b>(21.322.688.213)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>320.442.874.681</b>	<b>317.149.428.610</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	10.000.000	
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	162.868.782	159.192.368
<b>Cộng</b>	<b>172.868.782</b>	<b>159.192.368</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	120.115.494.869	122.378.456.033
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.096.926.716	807.241.406
<b>Cộng</b>	<b>121.212.421.585</b>	<b>123.185.697.439</b>
<i>Trong đó, giá vốn phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	13.589.893.699	9.318.116.642
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	13.902.221.253	9.850.329.880
<b>Cộng</b>	<b>27.492.114.952</b>	<b>19.168.446.522</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.222.779.015	14.028.884.568
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T	-	3.263.658.949
<b>Cộng</b>	<b>24.222.779.015</b>	<b>17.292.543.517</b>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	4.923.598.296	2.686.792.047
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	3.539.726.027
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.473.935.927	-
Công ty CP Hạ Tầng Nước Sài Gòn	503.101.369	-
<b>Cộng</b>	<b>17.234.882.167</b>	<b>6.295.739.741</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Chi phí lãi vay	118.285.362.286	85.603.049.679
<b>Cộng</b>	<b>118.285.362.286</b>	<b>85.603.049.679</b>
<i>Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty CII	72.234.870.605	27.680.185.813
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	4.347.585.090
<b>Cộng</b>	<b>72.234.870.605</b>	<b>32.027.770.903</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**5. Chi phí bán hàng**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	20.251.236.528	20.575.669.822
Chi phí lương nhân viên	994.565.999	1.518.338.072
Chi phí in vé thu phí giao thông	874.666.782	1.381.442.628
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.151.504.327	986.041.572
<b>Cộng</b>	<b>23.271.973.636</b>	<b>24.461.492.094</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	8.815.525.828	8.393.944.185
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.319.546.873	2.616.292.739
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	40.909.091	40.909.092
Công ty 152 Điện Biên Phủ	832.656.591	835.242.191
Công ty CII	40.909.091	40.909.091
<b>Cộng</b>	<b>12.049.547.474</b>	<b>11.927.297.298</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	2.201.049.974	3.226.450.463
Chi phí lương nhân viên	5.583.621.092	3.409.708.009
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	452.961.263	585.330.873
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.468.275.991	3.898.527.097
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.146.768.050	445.469.729
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.335.513.574	1.183.689.628
<b>Cộng</b>	<b>14.188.189.944</b>	<b>12.749.175.799</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	6.600.000	6.600.000
<b>Cộng</b>	<b>6.600.000</b>	<b>6.600.000</b>

**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	27.272.727	27.272.727
Thu nhập khác	1.818.182	6.944.445
<b>Cộng</b>	<b>29.090.909</b>	<b>34.217.172</b>

*Trong đó, thu nhập phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan*

Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	27.272.727	27.272.727
<b>Cộng</b>	<b>27.272.727</b>	<b>27.272.727</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**8. Chi phí khác**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	4.898.992	505.438
Chi phí khác	3.001.476.197	
<b>Cộng</b>	<b>3.006.375.189</b>	<b>505.438</b>

**9. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.867.849.046	5.652.991.540

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**

**10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	27.067.122.586	54.761.573.892
<b>Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>27.067.122.586</b>	<b>54.761.573.892</b>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>140</b>	<b>284</b>

**VII. THÔNG TIN KHÁC**

**1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.410.035.660	21.418.263.792
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	4.843.835.617	572.100.000.000
	<b>8.253.871.277</b>	<b>593.518.263.792</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	63.091.902.853	48.598.608.528
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	408.220.000.000	190.000.000.000
	<b>471.311.902.853</b>	<b>238.598.608.528</b>

**2. Báo cáo bộ phận**

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023**

	Doanh thu bán hàng hóa VND	Cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thu phí giao thông VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
<b>Doanh thu thuần</b>					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	990.232.419	319.452.642.262	-	320.442.874.681
<b>Cộng</b>	-	<b>990.232.419</b>	<b>319.452.642.262</b>	-	<b>320.442.874.681</b>
<b>Giá vốn</b>					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	1.096.926.716	120.115.494.869	-	121.212.421.585
<b>Cộng</b>	-	<b>1.096.926.716</b>	<b>120.115.494.869</b>	-	<b>121.212.421.585</b>
<b>Lợi nhuận gộp bộ phận</b>	-	<b>(106.694.297)</b>	<b>199.337.147.393</b>	-	<b>199.230.453.096</b>
Doanh thu hoạt động tài chính					24.222.779.015
Chi phí tài chính					118.285.362.286
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					22.928.909.376
Chi phí bán hàng					23.271.973.636
Chi phí quản lý doanh nghiệp					14.188.189.944
Thu nhập khác					29.090.909
Chi phí khác					3.006.375.189
Chi phí thuế TNDN hiện hành					4.867.849.046
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					4.514.660.576
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>					<b>78.276.821.719</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2022**

	Thi công lắp đặt, duy tu công trình VND	Cung cấp dịch vụ VND	Hoạt động thu phí giao thông VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần	-	1.110.637.447	316.038.791.163	-	317.149.428.610
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	1.110.637.447	316.038.791.163	-	317.149.428.610
Cộng	-	807.241.406	122.378.456.033	-	123.185.697.439
Giá vốn	-	807.241.406	122.378.456.033	-	123.185.697.439
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	807.241.406	122.378.456.033	-	123.185.697.439
Cộng	-	303.396.041	193.660.335.130	-	193.963.731.171
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	-	-	-	17.292.543.517
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	85.603.049.679
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	24.461.492.094
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	12.749.175.799
Thu nhập khác	-	-	-	-	34.217.172
Chi phí khác	-	-	-	-	505.438
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	5.652.991.540
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	2.512.221.632
<b>Tổng lợi nhuận sau thuế</b>	-	-	-	-	<b>80.311.055.678</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**2. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

**BÁO CÁO BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ - DOANH THU**

	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023 VND	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022 VND
Thành phố Hồ Chí Minh	126.185.923.004	124.512.970.516
Tỉnh Ninh Thuận	62.058.286.220	60.859.910.576
Tỉnh Bến Tre	64.893.315.456	63.034.959.726
Tỉnh Bình Dương	38.943.954.546	41.423.122.388
Tỉnh Trà Vinh	28.361.395.455	27.318.465.404
<b>Cộng</b>	<b>320.442.874.681</b>	<b>317.149.428.610</b>

**3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)  
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII  
Công ty 152 Điện Biên Phủ  
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn  
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro  
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)  
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC  
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm  
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy

Công ty mẹ  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn  
Công ty trong cùng tập đoàn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Tổng hợp trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

DOANH THU	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
	đến 31/03/2023	đến 31/03/2022
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Kỹ Thuật En Vi Ro	10.000.000	
Công ty Cổ Phần Hạ Tầng Nước Sài Gòn	162.868.782	159.192.368
<b>Cộng</b>	<b>162.868.782</b>	<b>159.192.368</b>
<b>GIÁ VỐN</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	13.589.893.699	9.318.116.642
Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC	13.902.221.253	9.850.329.880
<b>Cộng</b>	<b>27.492.114.952</b>	<b>19.168.446.522</b>
<b>DOANH THU TÀI CHÍNH</b>		
Công ty CII	4.923.598.296	2.686.792.047
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	69.221.667
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	6.334.246.575	3.539.726.027
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.473.935.927	-
<b>Cộng</b>	<b>16.731.780.798</b>	<b>6.295.739.741</b>
<b>CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
Công ty CII	72.234.870.605	27.680.185.813
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	4.347.585.090
<b>Cộng</b>	<b>72.234.870.605</b>	<b>32.027.770.903</b>
<b>CHI PHÍ BÁN HÀNG</b>		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	8.815.525.828	8.393.944.185
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.319.546.873	2.616.292.739
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	40.909.091	40.909.092
Công ty 152 Điện Biên Phủ	832.656.591	835.242.191
Công ty CII	40.909.091	40.909.091
<b>Cộng</b>	<b>12.049.547.474</b>	<b>11.927.297.298</b>
<b>CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP</b>		
Cty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	6.600.000	6.600.000
<b>Cộng</b>	<b>6.600.000</b>	<b>6.600.000</b>
<b>THU NHẬP KHÁC</b>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	27.272.727	27.272.727
<b>Cộng</b>	<b>27.272.727</b>	<b>27.272.727</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

Tổng hợp trong kỳ, công ty có số dư nợ các tài khoản như sau:

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>PHẢI THU KHÁCH HÀNG</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	506.390.065	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	30.000.000	-
Công ty CII	-	24.988.350.000
<b>Cộng</b>	<b>536.390.065</b>	<b>24.988.350.000</b>
<b>TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN</b>		
Công ty CII E&C	1.758.341.599	2.973.912.947
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	1.225.518.151	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	6.678.620.320	2.947.395.488
<b>Cộng</b>	<b>9.662.480.070</b>	<b>5.921.308.435</b>
<b>PHẢI THU VỀ CHO VAY</b>		
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty CII	161.000.378.040	168.500.378.040
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	37.622.193.630	400.000.000.000
Công ty CP Xây dựng Hạ Tầng CII (E&C)	18.300.000.000	200.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>216.922.571.670</b>	<b>768.500.378.040</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty CII	40.000.000.000	29.000.000.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	400.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>40.000.000.000</b>	<b>429.000.000.000</b>
<b>PHẢI THU KHÁC</b>		
Công ty CII	2.441.712.329	1.611.041.096
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	225.190.000	401.737.500
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	326.229.000	551.398.000
Công ty CP Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	29.156.164.384
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	11.427.154.866
<b>Cộng</b>	<b>2.993.131.329</b>	<b>2.564.176.596</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**3. Danh sách và giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

	31/03/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN</b>		
Công ty CII	462.850.380.000	462.850.380.000
<b>Cộng</b>	<b>462.850.380.000</b>	<b>462.850.380.000</b>
<b>PHẢI TRẢ KHÁC</b>		
Công ty CII	561.807.898.968	650.574.078.338
Phải trả chi phí sử dụng vốn	260.299.444.409	379.878.036.688
Cổ tức phải trả ngắn hạn	301.508.454.559	270.696.041.650
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	-	24.988.350.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII (Dài hạn)	76.000.000	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>561.883.898.968</b>	<b>675.638.428.338</b>
<b>VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH</b>		
<b>Ngắn hạn</b>		
Công ty CII	270.053.493.151	270.053.493.151
<b>Dài hạn</b>		
Công ty CII	304.974.927.745	732.152.449.681
<b>Cộng</b>	<b>575.028.420.896</b>	<b>1.002.205.942.832</b>
<b>PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN</b>		
Công ty CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty CII E&C	7.701.786.236	6.685.606.416
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.100.098.338	2.195.664.028
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.907.203.601	6.898.925.922
Công ty 152 Điện Biên Phủ	0	2.376.000
<b>Cộng</b>	<b>172.482.389.977</b>	<b>174.555.874.168</b>

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2023	Từ 01/01/2022
		đến 31/03/2023	đến 31/03/2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	433.367.254	416.483.517
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	239.801.260	321.277.564
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	120.937.500	91.541.667
<b>Cộng</b>		<b>794.106.014</b>	<b>829.302.748</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2023

**VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**

**4. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày 31 tháng 03 năm 2023 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất.



Phùng Thị Thắm  
Người lập biểu



Lương Thị Thu Yến  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Chính  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2023